

BA SỰ KIỆN THỐNG KÊ ĐẦU THẾ KỶ 20

DO THỰC DÂN PHÁP TIẾN HÀNH

Hoàng Minh Thiện

Tháng chín năm 1858 thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng bắt đầu cuộc xâm lược nước ta và đã mở ra một thời kỳ bi thương và đầy biến động với dân tộc ta, với bao cuộc khởi nghĩa cứu nước bị chìm trong biển máu, với bao người Việt Nam yêu nước đã ngã xuống,... Thiết lập được quyền thống trị trên phần lớn lãnh thổ nước ta, thực dân Pháp đã tìm ngay những biện pháp để quản lý, khai thác, bóc lột đất nước và nhân dân ta - mà một trong các giải pháp cơ bản là tiến hành điều tra dân số. Trong tư liệu này chúng tôi xin giới thiệu ba cuộc điều tra dân số lớn mà Pháp đã tiến hành trên lãnh thổ nước ta và Đông Dương thời đó, hy vọng rằng bạn đọc sẽ hình dung ra được phần nào về dân số nước ta thời đó hoặc từ đây tìm đến các tư liệu chi tiết hơn.

Cuốn “Việt nam những sự kiện lịch sử 1919-1945” tác giả Dương Trung Quốc, xuất bản năm 2003 đã chọn đưa ba sự kiện thống kê quan trọng là:

Sự kiện thứ nhất:

“15 tháng Hai năm 1920, kết quả điều tra dân số Nam Kỳ

Đến ngày 15-2-1920, dân số toàn Nam kỳ là 3.915.613 so với năm 1901 tăng 298.529 người. Cụ thể số dân của các tỉnh trong bảng sau”: (xem bảng trang 29)

Cho dù hiện nay các địa bàn hành chính cấp tỉnh đã có nhiều thay đổi nhưng số liệu trên vẫn cho chúng ta hình dung ra một bức tranh phân bố dân cư thời kỳ Pháp thuộc ở Nam Kỳ. Đặc biệt ở đây có số liệu so sánh giữa hai thời điểm là 1901 và 1920, sơ lược chúng ta có thể thấy trong khoảng 20 năm dân số Nam Kỳ tăng 27% (14.927 người); điều này cho thấy cuộc sống nhân dân ta thời đó còn rất nghèo, điều kiện chăm sóc y tế gần như chưa có gì, cộng với chiến tranh xâm lược rất tàn bạo và các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta cũng rất quyết liệt cho nên tỷ lệ tử vong chắc rất cao. Ngoài ra các biến động dân số có thể rất lớn, đặc biệt các cuộc di cư bắt buộc, nên chưa chắc số liệu đưa ra ở đây là đầy đủ.

DÂN SỐ NAM KỲ PHÂN THEO CÁC TỈNH

Đơn vị tính: người

Tỉnh	Năm 1901	Năm 1920	Tỉnh	Năm 1901	Năm 1920
Sài Gòn	47.557	83.135	Long Xuyên	151.001	194.388
Chợ Lớn	63.237	93.949	Mỹ Tho	312.324	326.351
Bạc Liêu	87.877	179.305	Rạch Giá	102.389	233.987
Bà Rịa	54.902	60.098	Sa Đéc	182.924	203.588
Bến Tre	216.186	261.403	Sóc Trăng	155.116	195.288
Biên Hoà	105.749	129.114	Tân An	92.815	104.533
Cần Thơ	226.978	317.639	Tây Ninh	66.533	92.144
Châu Đốc	145.399	202.723	Thủ Dầu Một	105.744	125.878
Chợ Lớn	184.151	205.657	Trà Vinh	185.164	227.108
Gia Định	217.351	276.241	Vĩnh Long	156.195	165.884
Gò Công	93.825	96.124	Côn Đảo	559	2.418
Hà Tiên	13.873	18.728			

Như vậy trước đó, vào năm 1901 đã có điều tra dân số ở Nam kỳ hay ít nhất là việc thu thập số liệu dân số các tỉnh Nam Kỳ một cách có hệ thống; tuy nhiên chúng tôi tra cứu ngược lại năm 1901 thì không thấy nhắc đến sự kiện này. (Có thể tác giả tập trước về năm 1901 là Dương Kinh Quốc không cùng quan điểm với tác giả Dương Trung Quốc khi chọn lựa các sự kiện lịch sử như về vấn đề điều tra dân số).

Sự kiện thứ hai:

“1 tháng Bảy 1931

Theo điều tra dân số Bắc kỳ cho đến ngày 1-7-1931 tổng cộng có 8.077.559 người.

Trong đó gồm 8.012.429 người Việt Nam, 51.710 người gốc Châu Á (chủ yếu là Hoa kiều), 10.338 người Pháp và 3.082 người Âu (ngoài Pháp)”

Trong sự kiện thứ hai này tác giả không đưa ra số liệu chi tiết, song lại có số liệu về các người nước ngoài sống tại Bắc kỳ, đó là người Pháp, Người Hoa và các người châu Âu khác. Thêm nữa việc chọn thời điểm là ngày 1-7 rõ ràng là có chủ ý và khác hẳn với lần điều tra tại Nam Kỳ.

Sự kiện thứ ba:

“Năm 1938

Dân số toàn Đông Dương là 23.500.000 người.

Trong đó:

Bắc Kỳ:	8.850.000 người
Trung Kỳ:	6.010.000 người
Nam Kỳ:	4.650.000 người
Campuchia:	3.040.000 người
Lào:	950.000 người

Như thế đã rõ, cùng với quá trình xâm chiếm nước ta và toàn Đông Dương thực dân Pháp cũng đồng thời tiến hành các cuộc điều tra dân số vào những thời điểm thích hợp; cụ thể là vào năm 1920 thực dân Pháp tiến hành điều tra dân số ở Nam Kỳ và năm 1931 mới thực hiện được cuộc điều tra dân số tại Bắc Kỳ; và cuối cùng là trên toàn cõi Đông Dương vào năm 1938.

Cho dù số liệu là ít ỏi nhưng chúng ta dễ dàng nhận ngay ra những ý nghĩa rất

lớn; trong hơn sáu mươi năm kể từ năm 1938 đến nay dân số cả nước ta đã tăng hơn 4 lần. Và sự gia tăng dân số đã trở thành vấn đề rất quan trọng được toàn thể xã hội hết sức quan tâm.

Vì bộ sử liệu “Việt Nam những sự kiện lịch sử” chỉ đưa ra những sự kiện có tính lịch sử chứ không phải là một tư liệu thống kê nên tất cả các vấn đề về nghiệp vụ như phương pháp điều tra, thời điểm,... không được đề cập đến; chúng tôi hy vọng sự giới thiệu lần này sẽ là gợi ý cho các cán bộ nghiệp vụ quan tâm có thể truy tìm về các tư liệu gốc để từ đó có thể có điều kiện sử dụng các số liệu trên rộng rãi hơn và có hiệu quả hơn ■

AI LÀ NGƯỜI SỬ DỤNG CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG? (*)

Eduardo Ley

Cơ quan thống kê và điều tra Hồng Kông thường kỳ báo cáo chỉ số giá tiêu dùng chung (CPI) và chỉ số giá tiêu dùng theo 3 nhóm thu nhập (CPI-A, CPI-B, CPI-C). CPI-A tính toán trên các cơ cấu chi tiêu của 50% dân số có thu nhập thấp nhất (nhóm A), CPI-B trên cơ sở 30% dân số có mức thu nhập cao hơn nhóm thu nhập thấp nhất (nhóm B) và CPI-C dựa trên cơ cấu chi tiêu của 10% dân số có mức thu nhập cao hơn nhóm B. Cơ cấu CPI có tính đến cơ cấu chi tiêu của các nhóm hộ gia đình và bao quát tới 90% dân số. Năm 2000, mặc dù lạm phát (giảm phát) tính theo chỉ số giá chung là - 3,7%. Tỷ lệ lạm phát của ba nhóm thu nhập tương ứng là -2,8%, -3,8% và -4,5%. Do vậy, những khác biệt về các

tỷ lệ lạm phát theo các nhóm thu nhập có thể khá lớn. Tuy nhiên, ở hầu hết các nước, chỉ công bố chỉ số giá tiêu dùng chung. Chỉ số giá tiêu dùng đại diện như thế nào cho tỷ lệ lạm phát chính thức của nền kinh tế?

Có một giả định cho rằng chỉ số giá tiêu dùng biểu thị phần nào cho mức tiêu dùng bình quân của xã hội. Vì chỉ số giá tiêu dùng được tính trên cơ sở cơ cấu chi tiêu tổng hợp (hoặc bình quân), do vậy, cơ sở để giả định phải phù hợp với mức tiêu dùng bình quân đại diện nào đó. Nhưng khi nghiên cứu để biết được mức tiêu dùng đại diện này có nằm trong phân phối lũy kế của những người tiêu dùng riêng, được sắp xếp theo tổng chi tiêu

của các hộ gia đình, ta nhận thấy rằng có đến gần 70% rơi vào phân phối này. Nếu 70% hộ gia đình chi tiêu thấp hơn mức chi tiêu bình quân đại diện này, thì xét cho cùng, mức tiêu dùng theo chỉ số giá tiêu dùng có khả năng không đại diện được.

Bằng chứng có tính chất giai thoại gợi ý rằng người dân thường không nhận thức được chỉ số giá tiêu dùng chính thức là đặc trưng cho lạm phát họ đã trải qua. Eduardo Engel, Giáo sư trường đại học tổng hợp Yale cho biết rằng một tờ báo được nhiều người ưa thích ở Chile, đã thực hiện một loạt các cuộc phỏng vấn với hai mươi tư nhân vật nổi tiếng, những người này đều được hỏi cùng bộ câu hỏi, một trong số câu hỏi đó là: "Bạn có tin vào chỉ số giá tiêu dùng chính thức không?". Đây là một câu hỏi duy nhất mà tất cả những người được hỏi đều trả lời là "không". Vì vậy, các cơ quan thống kê của chính phủ có nhiệm vụ nặng nề: Làm thế nào để tổng hợp tốt nhất sự biến động về giá của hàng ngàn sản phẩm thông qua một chỉ số đơn lẻ.

Trong thực tế việc tổng hợp này được thực hiện như thế nào? Chỉ số giá tiêu dùng là một chỉ số giá bình quân gia quyền thay đổi về giá của các loại hàng hoá và dịch vụ được chọn (Việc lựa chọn các loại hàng hoá và dịch vụ này, dựa trên kết quả điều tra hộ gia đình, có thể không khác quan từ quan điểm phân phối, nhưng ta bỏ qua vấn đề này ở đây). Các giá của một loại hàng hoá được chọn mẫu tại những địa điểm khác nhau và tổng hợp thành chỉ số giá tiêu dùng bình quân gia quyền cho mỗi loại hàng hoá

(chỉ số cá thể). Các chỉ số cá thể sau đó lại được tổng hợp thành chỉ số giá tiêu dùng. Ở mỗi giai đoạn tổng hợp, các quyền số là tỷ trọng chi tiêu cho mỗi loại hàng trong năm gốc. Chỉ số được tính theo phương pháp này được gọi là chỉ số Laspeyres. Theo thời gian, chỉ số Laspeyres được tính bằng tỷ lệ giữa giá để mua cùng một nhóm hàng tiêu dùng của năm cần tính và năm gốc. Khi đó, tỷ lệ lạm phát được tính trước bằng phần trăm thay đổi của chỉ số giá tiêu dùng. Ở mức hộ gia đình, chỉ số Laspeyres chắc chắn cao hơn chỉ số giá sinh hoạt thực tế, vì người dân có thể mua loại hàng rẻ tiền thay cho loại hàng đắt tiền hơn.

Chỉ số giá tiêu dùng chính thức có thể biểu thị dưới dạng đại số tương đương với bình quân gia quyền các chỉ số Laspeyres của từng hộ gia đình, trong đó quyền số của mỗi hộ gia đình là tỷ trọng chi tiêu của mỗi hộ so với tổng chi tiêu của toàn bộ khu vực hộ. Do vậy thuật ngữ chỉ số "tài phiệt" mô tả: các hộ gia đình khá giả có quyền số lớn hơn các hộ nghèo khi xây dựng chỉ số giá tiêu dùng. Theo sự lựa chọn, ta có thể tính một chỉ số "dân chủ", khi mỗi hộ gia đình được tính ngang nhau, hoặc chỉ số "nhân khẩu học", khi mỗi hộ gia đình có cùng quyền số.

Ta cũng có thể xác định được mức độ chênh lệch tài phiệt của chỉ số giá tiêu dùng là sự chênh lệch giữa chỉ số tài phiệt và chỉ số dân chủ. Ba yếu tố cần có tạo ra sự chênh lệch giữa chỉ số tài phiệt và chỉ số dân chủ. Thứ nhất, phải có sự phân tán về phân bố chi tiêu trong khu vực hộ gia đình. Thứ hai, phải có sự khác

biệt về cách chi tiêu của các hộ gia đình theo các nhóm thu nhập khác nhau. Và ba là phải có những sự khác biệt về hành vi ứng xử của các loại hàng hoá khác nhau. Cho dù hành vi ứng xử của giá cả trong thời kỳ cho trước ảnh hưởng đến các hộ nghèo hay hộ giàu nhiều hơn những gì được mô tả trong đánh giá chỉ số riêng lẻ này. Do vậy, có thể nói rằng có sự chênh lệch âm về chỉ số tài phiệt khi lạm phát ảnh hưởng tiêu cực đến hộ nghèo nhiều hơn những gì thể hiện trong chỉ số giá tiêu dùng.

Khi nào thì sự chênh lệch tài phiệt trong chỉ số giá tiêu dùng bộc lộ thành vấn đề? Lạm phát phù hợp với đánh giá từ quan điểm kinh tế vĩ mô là gì? Làm thế nào chúng ta điều chỉnh, ví dụ như điều chỉnh các nhóm thuế, tiền trợ cấp, hoặc chuyển nhượng của các chương trình xã hội hàng năm? Những số liệu này được xem xét thường xuyên và phổ biến dựa theo chỉ số giá tiêu dùng tài phiệt. Vì vậy logic theo sức mạnh của đồng đô la thường thắng thế logic sức mạnh của hộ gia đình.

Các khoản thanh toán chuyển nhượng ngày càng gia tăng theo chỉ số giá tiêu dùng có thể dẫn đến việc bồi thường cao hơn hoặc thấp hơn so với việc thanh toán chia theo chỉ số dân chủ trong những thời điểm khác nhau. Cho dù những sai lệch này có thể không quan trọng theo thời gian, tuy nhiên có sự hiểu sai trầm trọng cần phải nhấn mạnh. Sự chênh lệch tài phiệt trong chỉ số giá tiêu dùng thường tập trung nhiều vào thay đổi về phúc lợi của hộ gia đình hơn là

giải quyết nó. Thực vậy, các hộ gia đình thu nhập thấp phải chịu mức điều chỉnh thấp khi lạm phát ảnh hưởng đối với họ nhiều hơn - nghĩa là, khi họ có ít khả năng nhất. Trong các thời kỳ có sự chênh lệch tài phiệt là âm, khi giá cả thay đổi theo hướng bất lợi đối với người nghèo, các chương trình xã hội tập trung chủ yếu mang lại lợi ích cho người nghèo, điều chỉnh ở mức thấp hơn so với trường hợp dùng chỉ số nhóm dân chủ để tính toán. Tương tự, khi giá cả biến động ít bất lợi cho các hộ gia đình nghèo, nghĩa là, khi khoảng chênh lệch tài phiệt là dương - chuyển nhượng xã hội theo chỉ số tăng nhanh hơn những điều chỉnh về chi phí giá sinh hoạt. Vì vậy, việc điều chỉnh chỉ số giá tài phiệt chứng tỏ những đặc điểm có hại của chu kỳ trước.

Mặc dù các chỉ số khác có thể dễ dàng tính toán cho các mục đích sử dụng khác nhau, nhiều dãy các số chỉ số có tạo ra sự lẫn lộn không? Có sự đánh đổi quan trọng giữa tính đơn giản của phương pháp một quy mô phù hợp cho tất cả hiện đang lưu hành và tính ưu việt thuộc về nhận thức của phương pháp được làm từng phần đối với các số chỉ số. Giải pháp tốt nhất là có thể thay đổi theo các địa điểm và thời gian khác nhau. Sự bất bình đẳng về thu nhập (chi tiêu) càng lớn, thì cơ cấu chi tiêu theo nhóm thu nhập thay đổi càng nhiều, và sự sai lệch trong hành vi ứng xử của giá đơn lẻ càng lớn, thì chỉ số giá tiêu dùng tài phiệt càng kém hấp dẫn do chỉ là việc điều chỉnh chính sách. Cuối cùng, nếu chỉ tính chỉ

số giá tiêu dùng thì: Giá sinh hoạt của nhóm dân cư nào nên được quan tâm? ■

(*) Đây là bài báo do Mario Izquierdo (Ngân hàng Tây Ban Nha) và Javier Ruis-Castillo (Universidad Carlos III de Madrid) hợp tác, bài báo sẽ đăng trên Economics Letters, Applied Economics, và IMF Staff Papers, và từ "Lạm phát

của ai? Mô tả đặc điểm của sự chênh lệch về chỉ số giá tiêu dùng tài phiệt", của Eduardo Ley (IMF Working Paper No. 01/59)

Nguyễn Thái Hà (dịch)

Nguồn: The IMF Institute Courier , June 2002, Vol 4 (Pg 6-7)